UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

Số: 265 /BC-SNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO
Đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Kế hoạch số 2300/KH-UBND, ngày 13/7/2018 của UBND tỉnh về báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo như sau:

I. Công tác chỉ đạo điều hành

1.1. Đặc điểm về chương trình 135 của tỉnh

Tỉnh Bắc Giang có 10 đơn vị hành chính gồm (09 huyện, 01 thành phố), trong đó có 6 huyện miền núi và 1 huyện vùng cao, với 230 xã, phường, thị trấn, 188 xã vùng dân tộc và miền núi (126 xã khu vực I, 26 xã khu vực II, 36 xã khu vực III). Chương trình 135 của tỉnh Bắc Giang năm 2018 (theo Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh) được thực hiện trên địa bàn 52 xã ĐBKK, xã ATK thuộc diện đầu tư ; 99 thôn, bản ĐBKK và 76 số thôn, bản ĐBKK được hỗ trợ thuộc 06 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Hiệp Hòa và Lạng Giang.

Giai đoạn 2016 - 2018, tình hình kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản ổn định, các chính sách về an sinh xã hội được quan tâm thực hiện, đời sống đồng bào từng bước được cải thiện; tỷ lệ hộ nghèo vùng dân tộc giảm 3-5%/năm.

Đến năm 2017 tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh Bắc Giang là 9,53 % tổng số hộ dân toàn tỉnh.

1.2. Công tác chỉ đạo thực hiện

Chương trình 135 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được thực hiện dựa trên các văn bản: Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và phân giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ngành trong việc tổ chức thực hiện các dự án, chương trình thuộc phạm vi có liên quan đến lĩnh vực do Sở, ngành quản lý.

*** Hoạt động của bộ máy chỉ đạo, điều hành**

- Các văn bản chỉ đạo điều hành của tỉnh:

+ Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

+ Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao kế hoạch vốn sự nghiệp Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2016;

+ Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v phân bổ vốn Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017;

+ Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp DA1, DQ3, DA4 và DA5 thuộc CT MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017

+ Kế hoạch số 1088/KH-UB ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020.

* Công tác tham mưu, xây dựng cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình giảm nghèo

- Trên cơ sở nhiệm vụ được UBND tỉnh giao. Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Công văn số 435/SNN-PTNT ngày 20/4/2017 về việc đề nghị ban hành đề cương thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 gửi Ban Dân tộc tỉnh (là đơn vị chủ trì thực hiện dự án).

- Tham gia góp ý vào dự thảo Tờ trình và Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo quy định tại QĐ số 1722/QĐ-TTg. Thông tư đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành (TT số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017).

* Công tác phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện triển khai chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình giảm nghèo

- Các văn bản gửi các huyện về việc tham gia ý kiến đề án hỗ trợ PTSX của các huyện: số 558/SNN-PTNT; 559/SNN-PTNT; số 560/SNN-PTNT ngày 27/5/2016 về việc tham gia ý kiến cho dự thảo đề án, kế hoạch hỗ trợ PTSX các huyện Lục Ngạn, Hiệp Hòa và Lạng Giang năm 2016; số 571/SNN-PTNT ngày 31/5/2016 về việc tham gia ý kiến cho dự thảo đề án hỗ trợ PTSX huyện Yên Thế năm 2016; số 583/SNN-PTNT ngày 02/6/2016 về việc tham gia ý kiến cho dự thảo đề án hỗ trợ PTSX huyện Lục Nam; số 761/SNN-PTNT ngày 07/7/2016 về việc tham gia ý kiến cho dự thảo đề án hỗ trợ PTSX huyện Sơn Động năm 2016.

- Phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Tham gia góp ý vào Dự thảo báo cáo kết quả rà soát, đánh giá, xếp loại huyện nghèo của Sở Lao động TB và XH đối với huyện Sơn Động.

* Công tác tham mưu các văn bản của ngành

Sau khi UBND tỉnh Ban hành các Quyết định phân bổ nguồn vốn thực hiện chương trình 135 các năm. Nhằm thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về các chương trình, chính sách giảm nghèo Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao nhiệm vụ cho Chi cục PTNT là đơn vị chủ trì thực hiện nội dung và tham mưu ban hành các công văn hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức triển khai các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đến các huyện, các chủ đầu tư thực hiện Chương trình.

(Chi tiết tại biểu 01 kèm theo)

1.3. Đánh giá kết quả xây dựng các dự án hỗ trợ PTSX thuộc Chương trình giảm nghèo

Các dự án hỗ trợ

1.4. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh

1.4.1. Việc bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình

Trong giai đoạn 2016-2018 đã được quan tâm bố trí cơ bản phù hợp, đáp ứng được nhu cầu đầu tư hỗ trợ PTSX, đa dạng sinh kế của các chủ đầu tư. Kinh phí hàng năm được giao chi tiết giúp các địa phương có điều kiện thực hiện Chương trình hiệu quả.

1.4.2. Công tác tuyên truyền

Trong quá trình triển khai chương trình, công tác tuyên truyền được quan tâm quán triệt, thông qua nhiều phương tiện thông tin đại chúng đã tuyên truyền sâu rộng đến người dân nội dung chính sách, định mức, tiêu chí của chương trình giúp người dân nhận thức rõ, hiểu và thực hiện đúng, đủ quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia dự án, mô hình.

Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, được các địa phương định hướng phù hợp nhu cầu sản xuất của người dân, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo điều kiện tích cực cho người dân vùng thụ hưởng chính sách đặc biệt đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa và được thực hiện dựa trên nguyên tắc công khai minh bạch, dân chủ và có sự tham gia giám sát của tại chỗ từ cơ sở, trong các hoạt động điều tra nhu câu, xác định đầu tư, tới bình xét lựa chọn các hộ dân tham gia dự án, mô hình thuộc chương trình.

1.4.3. Phân công trách nhiệm của các cấp, ngành trong triển khai thực hiện Chương trình

Trách nhiệm triển khai thực hiện các Chương trình giảm nghèo được phân công chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực, dự án, chương trình cho các Sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện và các chủ đầu tư là UBND các xã thụ hưởng.

Các Sở, ban ngành liên quan có trách nhiệm thực hiện công tác quản lý Nhà nước, hướng dẫn, đôn đốc và triển khai thực hiện nội dung các dự án thành phần thuộc chương trình,

UBND cấp huyện có trách nhiệm thẩm định và phê duyệt dự án hỗ trợ PTSX trên cơ sở (Thông tư số 18/TT-BNNPTNT, ngày 09/10/2017) đinh hướng cho các chủ đầu tư xây dựng dự án hỗ trợ PTSX phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, với tiềm năng, thế mạnh và lợi thế sản xuất của vùng. Chủ đầu tư là UBND cấp xã có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung dự án, mô hình trên địa bàn có hiệu quả, đúng tiến độ và hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

1.4.4. Công tác tổ chức kiểm tra giám sát

Trong năm 2016- 2017 với nhiệm vụ được giao Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Chi cục Phát triển nông thôn thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện tại 19/55 xã về xây dựng dự án, quy trình triển khai, kết quả đạt được, công tác thanh quyết toán và kiểm tra thực tế từ 2-3 hộ dân tại mỗi xã thụ hưởng chương trình tại các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Hiệp Hòa và Lạng Giang.

Nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 Kiểm tra thực tế cho thấy các dự án triển khai tại các xã đều thực hiện cung ứng đầy đủ , đúng nội dung, chủng loại các loại vật tư, cây con giống cho các hộ dân được hưởng lợi, khối lượng công việc hoàn thành đạt 100% kế hoạch.

Trong 06 tháng đầu năm 2018 đã Sở Nông nghiệp và PTNT đã cử cán bộ phối hợp tham gia các 2 đoàn kiểm tra liên ngành do UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và đầu tư chủ trì cùng các Sở Lao động TB và XH, Ban dân tộc.. kiểm tra kết quả thực hiện, tiến độ triển khác các Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2017 và 06 tháng đầu năm 2018 tại các huyện Yên Thế, Sơn Động, Lục Ngạn.

II. Đánh giá giữa nhiệm kỳ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018

2.1. Đánh giá công tác chỉ đạo và triển khai thực hiện

Về mục tiêu: cơ bản nội dung các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 là phù hợp với nhu cầu, điều kiện, tiềm năng sản xuất và bối cảnh kinh tế-xã hội tại các địa phương. Có khả năng lớn hoàn thành mục tiêu Chương trình đề ra.

Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2016-2018 trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các hợp phần hỗ trợ PTSX nhận được sự quan tâm vào cuộc và tham gia nhiệt tình của người dân trong việc xác định nhu cầu đầu tư, đóng góp đối ứng, tiếp nhận quản lý và sử dụng vật tư chính của các dự án, mô hình thuộc Chương trình. Người dân thể hiện được ý thức về vai trò chủ thể của mình trong các hoạt động của Chương trình. Mức độ hưởng lợi của các hộ tham gia là hợp lý, công bằng, đúng đủ theo quy định hiện nay. Mức độ hưởng lợi của các đối tượng ưu tiên hiện nay đã được quy định tại Nghị quyết 10/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Cần bổ sung thêm đối tượng tham gia và các hoạt động của dự án, mô hình như (hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo…) như Nghị quyết HĐND tỉnh đã quy định.

Về các hoạt động tiểu dự án: cơ bản được thiết kế khoa học, phù hợp, tạo thành hệ thống thực hiện đồng bộ.

Về công tác chỉ đạo, điều hành: hiện tại hợp lý, phù hợp với tình hình và đã tạo được thành hệ thống, từ tỉnh xuống huyện đến các chủ đầu tư. Đảm bảo thực hiện Chương trình đồng bộ hiệu quả.

Về tổ chức thực hiện: hiện nay cơ bản là hợp lý. Tuy nhiên còn một số nội dung về phân giao nhiệm vụ chủ đầu tư hay đơn vị quản lý Nhà nước về chương trình tại một số địa phương vẫn còn vướng mắc. Cần có hướng dẫn chi tiết, cụ thể của từng phòng ban, đơn vị cấp huyện trong hoạt động triển khai Chương trình.

Công tác tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ PTSX ở địa phương về cơ bản là hợp lý, thiết kế và hoạt động của Chương trình 135 giai đoạn 2016-2018 đã tạo điều kiện tích cực cho người dân vùng thụ hưởng được tiếp cận với các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, góp phần tăng năng suất và thu nhập cho người dân. Đồng thời gắn liền với các Chương trình, dự án khác như Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Chương trình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

2.2. Bố trí nguồn lực cho các dự án Chương trình

Nguồn vốn thực hiện Chương trình vẫn do kinh phí cấp từ ngân sách Nhà nước cấp là chủ yếu, phần đối ứng thực hiện chủ yếu là do đối tượng trực tiếp tham gia dự án, tiểu dự án đóng góp. Hầu như không có kinh phí đối ứng của ngân sách địa phương. Việc huy động các nguồn lực khác tham gia vào dự án gặp nhiều khó khăn do các Doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh không mặn mà đầu tư cho Chương trình dẫn đến kinh phí đối ứng còn hạn chế.

Do nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa ngày một lớn, áp lực đầu tư ngày càng cao. Vì vậy nguồn vốn bố trí thực hiện Chương trình cần được đảm bảo bố trí đầy đủ và hàng năm địa phương cần bố trí kinh phí đối ứng chương trình phù hợp tạo điều kiện thực hiện Chương trình hiệu quả.

2.3. Kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn

a. Năm 2016

Tổng kinh phí thực hiện hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế thuộc các Chương trình giảm nghèo năm 2016 là: 14.441.000.000 đồng (Quyết định số 480/QĐ-UBND, ngày 01/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh) và giao UBND 77 xã làm chủ đầu tư thực hiện

Trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ các huyện đã triển khai các nội dung như: hỗ trợ 3.843 kg giống lúa (573 triệu đồng) chủ yếu tập trung ở các huyện Sơn Động, Hiệp Hòa, Lục Nam; 236 tấn phân bón các loại (2.387 triệu đồng); hỗ trợ 1.371 (con) lợn nái sinh sản (4.000 triệu đồng); huyện Hiệp Hòa hỗ trợ 178 con bò cái sinh sản (1.584 triệu đồng); hỗ trợ mô hình chăn nuôi gà thả vườn tập trung chủ yếu ở một số huyện như Yên Thế, Lục Ngạn, Sơn Động với số lượng 67.000 con (1.700 triệu đồng); hỗ trợ mua 01 máy tuốt lúa (40 triệu đồng); 272 bình phun thuốc trừ sâu (430 triệu đồng) cho các hộ; hỗ trợ thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y....với tổng số lượt hộ nghèo, cận nghèo thụ hưởng hơn 9.000 hộ. Các chủ đầu đã hoàn thành dự án, giai ngân đạt 100% kế hoạch.

*** Năm 2017**

Tổng kinh phí thực hiện hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế thuộc Chương trình giảm nghèo năm 2017 là: 29.310.331.000 đồng (QĐ số 1407/QĐ-UBND ngày 15/8/2017; QĐ số 1455/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh). Trong đó vốn đối ứng của địa phương là: 10.955.331.000 đồng.

- Trên cơ sở nguồn vốn được phân bổ các huyện đã triển khai các nội dung: hỗ trợ 239.5 kg giống lúa (153.32 triệu đồng) tập trung ở huyện Lục Nam; hỗ trợ 101con lợn nái sinh sản (284 triệu đồng); huyện Hiệp Hòa hỗ trợ 253 con bò cái sinh sản (3.281 triệu đồng); hỗ trợ mô hình chăn nuôi gà, vịt, ngan tập trung ở các huyện như Yên Thế, Lục Ngạn, Sơn Động với số lượng 80.726 con (3.526 triệu đồng); hỗ trợ mua 710 máy cắt cỏ, máy bơm các loại (3.729 triệu đồng); 296 bình phun thuốc trừ sâu (399.6 triệu đồng), hỗ trợ mua 12 máy cày tay, máy cày D10 (368 triệu)...với tổng số lượt hộ nghèo, cận nghèo thụ hưởng hơn 7.189 hộ. Tất cả các huyện đã hoàn thành hỗ trợ cho người dân và thực hiện giải ngân đạt 100% theo kế hoạch vốn đã giao.

*** Năm 2018**

Tổng kinh phí thực hiện hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế thuộc các Chương trình giảm nghèo năm 2018 là: 13.260.000.000 đồng (QĐ số 280/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh).

Trên cơ sở nguồn vốn được UBND tỉnh phân bổ các huyện đã giao phòng Nông nghiệp và PTNT trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn các chủ đầu tư triển khai nội dung khảo sát nhu cầu, lựa chọn địa điểm, xác định qui mô, đối tượng tham gia, xây dựng thuyết minh dự án, kế hoạch triển khai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ thực hiện.

Đến tháng 7/2018, Sở Nông nghiệp và PTNT đã nhận được quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của huyện Hiệp Hòa. Các huyện còn lại hiện đang triển khai thực hiện khảo sát nhu cầu, xác định địa điểm, thông tin về chương trình đến người dân và đang tiến hành xây dựng đề án, dự án đầu tư theo kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh giao tại QĐ số 280/QĐ-UBND ngày 04/5/2018. *(Chi tiết tại biểu chi tiết kèm theo)*

2.4. Về kết quả thực hiện Chương trình

Trong giai đoạn 2016-2018 về cơ bản Chương trình 135 đã mang lại những hiệu quả tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất, lao động, thu nhập và phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực các huyện, xã ĐBKK. Qua đó góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo cơ bản đã giảm từ 19,6 % năm 2010 xuống còn 11,72 năm 2016 và 9,53 % năm 2017 (trong đó tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc giảm hàng năm từ 3-4%).

2.5. Về công tác chỉ đạo điều hành

Vê công tác kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tại địa phương cơ bản đã được hoàn thiện trong đó thành viên bao gồm các Sở, ban ngành từ cấp tỉnh đến cơ sở đây là điều kiện giúp vận hành, hoạt động Chương trình thành hệ thống, đồng bộ.

Về tình hình chỉ đạo của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG địa phương đối với Chương trình 135 : trên cơ sở nhiệm vụ phân giao cho từng thành viên trong Ban chỉ đạo phụ trách công tác định hướng, triển khai tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát đảm bảo Chương trình 135 được thực hiện đúng kế hoạch, tiến độ và quy định.

Về văn bản chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình 135 được các cơ quan quản lý Nhà nước, các thành viên Ban Chỉ đạo triển khai kịp thời, đầy đủ từ trung ương, tỉnh, huyện giúp các địa phương, các chủ tư có căn cứ thực hiện Chương trình hiệu quả, chính xác.

Về công tác phối hợp thực hiện Chương trình 135 giữa các Sở, ban ngành các cấp ở địa phương trong tổ chức thực hiện cơ bản là tốt, hiệu quả và đồng bộ, nhất quán. Sở Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo Chi cục Phát triển nông thôn thường xuyên phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện kiểm tra, hướng dẫn trình tự, thủ tục trong việc thực hiện dự án theo Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Về công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Chương trình 135 với các dự án, mô hình tới đối tượng thụ hưởng là đầy đủ và chính xác thông qua các kênh thông tin công cộng, trang tin địa phương, phát thanh cơ sở, niêm dán công khai tại UBND xã.. đã giúp cho đối tượng thụ hưởng có cơ hội tiếp cận đầy đủ thông tin, quy định của Chương trình.

IV. Đánh giá chung

4.1. Thuận lợi

Công tác tổ chức thực hiện các nội dung hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế ở các địa phương được thực hiện cơ bản dân chủ, công khai và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Việc quản lý sử dụng kinh phí được các xã có nhiệm vụ làm chủ đầu tư thực hiện cơ bản theo quy định. Các nội dung dự án hỗ trợ PTSX đã tạo điều kiện tích cực cho người dân vùng thụ hưởng được tiếp cận với các loại giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, máy móc cơ giới hóa các khâu sản xuất góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, từ đó là cơ sở tăng thu nhập cho người dân một cách bền vững.

Công tác quản lý Nhà nước về các nội dung hỗ trợ PTSX được coi trọng, việc kiểm tra, giám sát được tiến hành thường xuyên, kịp thời phát hiện những hạn chế, vướng mắc của địa phương trong thực hiện và đề xuất, kiến nghị giải pháp khắc phục kịp thời.

4.2. Khó khăn, tồn tại

Nhận thức của người dân ở một số vùng ĐBKK, vùng đồng bào dân tộc, nhất là những người trực tiếp được thụ hưởng là không đồng đều, tư tưởng ỷ lại, trông chờ chính sách hỗ trợ ăn sâu vào ý thức dẫn tới người dân không có động lực vươn lên thoát nghèo hoặc giải quyết những vấn đề của bản thân và gia đình.

Trong quá trình thực hiện, việc hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát của phòng chuyên môn ở các huyện chưa được thường xuyên. Việc tổng hợp, đánh giá hiệu quả và thực hiện chế độ thông tin báo cáo của một số huyện còn hạn chế.trình độ, năng lực của cán bộ cấp xã ở một số nơi còn hạn chế.

Một số địa phương còn tâm lý trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, lựa chọn việc dễ làm, nhiều xã, thôn vẫn triển khai thực hiện theo hình thức chia đều, dàn trải, chưa xây dựng được mô hình sản xuất có quy mô lớn.

Nhiều mô hình nhỏ lẻ, phân tán nên khả năng nhân rộng còn hạn chế. Một số mô hình không hiệu quả một phần do cách làm của địa phương (*có mô hình thực hiện trên địa bàn một xã, cũng có nhiều mô hình thực hiện trên địa bàn nhiều xã*).

4.3. Nguyên nhân

a. Nguyên nhân khách quan:

Các xã thụ hưởng chính sách có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, giao thông đi lại khó khăn, địa bàn sản xuất phân tán, chia cắt nhỏ lẻ; cơ sở hạ tầng ở các xã chưa đáp ứng được nhu cầu, nhất là những công trình trực tiếp phục vụ sản xuất.

- Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí không đồng đều nên việc áp dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất còn nhiều hạn chế, gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

b. Nguyên nhân chủ quan:

Quyết định phân bổ vốn thực hiện các năm thường giao muộn

Nhận thức của cán bộ tham gia thực hiện dự án một số nơi chưa đầy đủ, chưa hiểu rõ bản chất của việc hỗ trợ PTSX để giảm nghèo bền vững. Chưa giải thích được tường tận về nội dung chính sách cho người dân, cán bộ cơ sở có nơi vẫn áp đặt ý thức chủ quan vào chương trình.

Một số địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo sát sao, kiểm tra giám sát việc tổ chức thực hiện chính sách ở cơ sở; việc lồng ghép các chương trình khác với mục tiêu giảm nghèo ở một số nơi hiệu quả thấp, nặng tư tưởng ỷ lại trông chờ vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ về PTSX chưa thường xuyên liên tục; công tác lập đề án, kế hoạch thực hiện hỗ trợ còn chậm, chất lượng đề án còn hạn chế; còn tình trạng nể nang dẫn đến hỗ trợ dàn trải, chia đều trong các dự án. Quá trình thực hiện phương pháp triển khai còn lúng túng dẫn tới chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Các chính sách hỗ trợ PTSX để giảm nghèo được quy định dàn trải ở nhiều văn bản khác nhau. Việc bố trí vốn còn thấp so với nhu cầu thực tế nên nhiều nội dung trong đề án giảm nghèo ở các địa phương chưa được triển khai.

4.4. Bài học kinh nghiệm

Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến mục đích, ý nghĩa, nội dung của dự án hỗ trợ PTSX thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đến cán bộ, đảng viên, nhân dân với nhiều hình thức để hiểu được từ đó tích cực tham gia và giám sát thực hiện. Chú trọng xây dựng mô hình, dự án hỗ trợ sản xuất, nâng cao năng lực cộng đồng tại các địa phương.

Cần tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các dự án đảm bảo không chồng chéo, ngăn chặn những việc làm

sai quy định, gây lãng phí, thất thoát và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện tại địa phương.

Có sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của đoàn thể chính trị - xã hội trên địa bàn trong công tác kiểm tra, giám sát.

Thực hiện có hiệu quả các nội dung chính sách đối với đồng bào dân tộc và miền núi thuộc lĩnh vực quản lý. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án để xây dựng các mô hình có quy mô lớn, có khả năng nhân rộng. Đổi mới trong hình thức lựa chọn nội dung đầu tư, trong cách tiếp nhận và phân bổ nguồn vốn Chương trình, tập trung đầu tư vào những loại hình, cây con có giá trị kinh tế cao và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng.

Quản lý chặt chẽ nguồn vốn hỗ trợ PTSX đảm bảo hiệu quả; kiểm tra, đánh giá các mô hình sau khi kết thúc để nhân rộng các mô hình hiệu quả.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

a. Đối với Trung ương

Đề nghị Cục Kinh tế hợp tác và PTNT tham mưu giúp Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất với Chính phủ: Cấp đủ vốn cho Chương trình 135 năm các năm tiếp theo để các địa phương triển khai có hiệu quả và hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã đề ra;

b. Đối với địa phương

Đề nghị UBND tỉnh sớm phân bổ vốn chi tiết thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương chủ động triển khai thực hiện chương trình.

Trên đây là báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và kết quả rà soát tích hợp hệ thống chính sách giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Bắc Giang của Sở Nông nghiệp và PTNT./.

Nơi nhận:
- Lưu VT.

**** Bản điện tử:***
- Sở Lao động TB và XH (b/c);
- Giám đốc Sở (b/c);
- Phó GĐ: Nguyễn Văn Doanh;
- Chi cục PTNT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Nguyễn Văn Doanh

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Biểu 1: DANH MỤC VĂN BẢN QUẢN LÝ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA TỈNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ PTSX THUỘC CTMTQG GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo 265/BC-SNN ngày 10/08/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang)

STT	Tên văn bản	Ghi chú
I	**Văn bản của tỉnh**	
1	**Năm 2016**	
	Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao kế hoạch vốn sự nghiệp Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2016	
	Công văn số 223/SNN-PTNT ngày 16/3/2016 về hướng dẫn thực hiện hợp phần hỗ trợ PTSX thuộc Chương trình 135 năm 2016.	
	Công văn số 332/SNN-PTNT ngày 8/4/2016 về việc đề nghị đánh giá hiệu quả sau đầu tư của hợp phần hỗ trợ PTSX thuộc Chương trình 135 năm 2015.	
	Công văn số 369/SNN-PTNT ngày 15/4/2016 gửi các huyện về việc đề nghị gửi đề án hỗ trợ PTSX thuộc Chương trình 135 năm 2016.	
	Công văn số 871/SNN-PTNT ngày 8/8/2016 gửi các huyện về việc thực hiện hợp phần hỗ trợ PTSX thuộc Chương trình 135	
	Công văn 431/SNN-PTNT ngày 28/12/2016 về việc báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ PTSX các chương trình giảm nghèo năm 2016	
	Thông báo số 330/TB-PTNT ngày 31/10/2016 của Chi cục PTNT về Thông báo Kết quả kiểm tra hợp phần hỗ trợ PTSX thuộc Chương trình 135 năm 2016	
	Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	
2	**Năm 2017**	
	CV số: 880/SNN-PTNT ngày 24/7/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT V/v tham gia ý kiến thẩm định giao kế hoạch chi tiết vốn sự nghiệp của Chương trình 30a năm 2017	
	QĐ số 1047/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v phân bổ vốn CT 135 thuộc CT MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017	
	QĐ số 1455/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v phân bổ kế hoạch vốn sự nghiệp DA1, DQ3, DA4 và DA5 thuộc CT MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017	

	CV số 1018/SNN-PTNT ngày 23/8/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT v/v triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017	
	CV số 1034/SNN-PTNT ngày 25/8/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT v/v triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017	
	CV số 1093/SNN-PTNT ngày 11/9/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT v/v đôn đốc thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017	
	CV số 1144/SNN-PTNT ngày 20/9/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT v/v Đôn đốc triển khai thực hiện Dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế thuộc các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017 (lần 2)	
	CV số 363/PTNT-KTHT ngày 27/11/2017 của Chi cục Phát triển nông thôn v/v Kiểm tra tình hình thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế thuộc các Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2017	
3	**Năm 2018**	
	Công văn số 43/PTNT-KTHT ngày 20/4/2018 của Chi cục PTNT về việc triển khai sử dụng phần mềm tổng hợp số liệu thực hiện Chương trình 135	
	QĐ số 280/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang v/v phân bổ chi tiết kế hoạch vốn CT MTQG giảm nghèo bền vững năm 2018	
	Công văn số 582/SNN-PTNT ngày 14/5/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai thực hiện các Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2018	
	Công văn số 732/SNN-PTNT ngày 18/6/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc nộp Đề án, Dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế thuộc các chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2018	

BIỂU SỐ 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 39/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tỉnh .....
Huyện .....
Xã .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018

(Kèm theo Báo cáo 265/BC-SNN ngày 10/08/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Giang)

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu kỳ	Kết quả thực hiện Chương trình 2016-2018		Kế hoạch năm 2019 - 2020
				Thực hiện 2016-2018	% so với kế hoạch	
1	*2*	2	*3*	*4*	*5=4/3*	*6*
	Tổng		46.056	43.751,33	0	20.700
A	**Chương trình 135**		43.561	42.581,77	0	13.500
I	**Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKK**					
1	***Tổng ngân sách, trong đó:***	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	***Kết quả thực hiện***					
2.1	Số công trình đầu tư được khởi công mới (theo từng loại công trình)	Công trình				
2.2	Số công trình được đầu tư chuyển tiếp (theo từng loại công trình)	Công trình				
2.3	Số công trình được duy tu bảo dưỡng (theo từng loại công trình)	Công trình				
3	**Tổng số xã**	Xã				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu kỳ	Kết quả thực hiện Chương trình 2016-2018		Kế hoạch năm 2019 - 2020
				Thực hiện 2016-2018	% so với kế hoạch	
4	**Tổng số thôn bản**	Thôn bản				
II	**Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKK**		**43.561**	**42.581,77**	**0**	**13.500**
1	***Tổng ngân sách***	Triệu đồng	**43.561**	**42.581,77**		13.500
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	43.561	42.581,77		13.500
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng		401,84		
1.3	Huy động nguồn khác (nhân dân đóng góp)	Triệu đồng		10.383,93		
2	***Kết quả thực hiện***					
	- Số dự án PTSX			155		
	+ Số người được hỗ trợ	Người		16.189		
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án				
	- Số mô hình NRMHGN					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình				
III	**Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở và cộng đồng trên địa bàn xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu; và các thôn, bản ĐBKK**					
1	***Tổng ngân sách***	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	***Kết quả thực hiện***					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ				
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu kỳ	Kết quả thực hiện Chương trình 2016-2018		Kế hoạch năm 2019 - 2020
				Thực hiện 2016-2018	% so với kế hoạch	
B	**Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững (trên địa bàn xã ngoài Chương trình 135 và Chương trình 30a)**		**2.345**	**1.069,56**	**0**	**7.000**
1	***Tổng ngân sách***	Triệu đồng	2.345	1.069,56		7.000
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng	2.345	900,00		
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác (nhân dân đóng góp)	Triệu đồng		169,56		
2	***Kết quả thực hiện***					
	- Số dự án PTSX	Dự án	8	4		24
	+ Số người được hỗ trợ	Người		354		
	+ Số dự án được triển khai (theo từng loại dự án)	Dự án		4		
	- Số mô hình NRMHGN					
	+ Số người được hỗ trợ	Người				
	+ Số mô hình được triển khai (theo từng loại mô hình)	Mô hình				
D	**Dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin**					
1	***Tổng ngân sách, trong đó:***	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương, trong đó:	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
	- Đầu tư phát triển	Triệu đồng				
	- Sự nghiệp	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
2	**Kết quả thực hiện**					
2.1.	***Hoạt động truyền thông về giảm nghèo***					
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu kỳ	Kết quả thực hiện Chương trình 2016-2018		Kế hoạch năm 2019 - 2020
				Thực hiện 2016-2018	% so với kế hoạch	
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm				
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip				
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	Ấn phẩm				
	- Số lượng tọa đàm, đối thoại được tổ chức thực hiện					
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do Bộ, ngành tổ chức thực hiện	Cuộc				
	+ Số lượng tọa đàm, đối thoại do địa phương tổ chức thực hiện	Cuộc				
	- Số lượng sách chuyên đề về giảm nghèo do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm				
	+ Số lượng sách	Cuốn				
	- Số lượng các cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo					
	+ Số cuộc đối thoại (theo các cấp)	Đối thoại				
	+ Số người tham gia đối thoại	Người				
2.2.	***Hoạt động giảm nghèo về thông tin***					
	- Số cán bộ cấp xã làm công tác thông tin và truyền thông được đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thông tin tuyên truyền cổ động	Cán bộ				
	- Số hộ dân thuộc địa bàn huyện nghèo, xã nghèo được tiếp cận, cung cấp thông tin	Hộ				
	- Số lượng chương trình phát thanh sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng chương trình truyền hình sản xuất, trong đó:					
	+ Số lượng do Bộ, ngành sản xuất	Chương trình				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu kỳ	Kết quả thực hiện Chương trình 2016-2018		Kế hoạch năm 2019 - 2020
				Thực hiện 2016-2018	% so với kế hoạch	
	+ Số lượng do địa phương sản xuất	Chương trình				
	- Số lượng sách chuyên đề do Bộ, ngành/địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số đầu sách	Ấn phẩm				
	+ Số lượng sách	Cuốn				
	- Số lượng ấn phẩm truyền thông do Bộ, ngành, địa phương xuất bản, bao gồm:					
	+ Số lượng chuyên san được xuất bản	Ấn phẩm				
	+ Số lượng video clip được sản xuất	Clip				
	+ Số lượng tờ rơi được xuất bản	ấn phẩm				
	- Số lượng phương tiện nghe - xem được hỗ trợ	Phương tiện				
	- Số lượng huyện được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Huyện				
	- Số lượng xã được trang bị phương tiện tác nghiệp tuyên truyền cổ động	Xã				
	- Số lượng xã nghèo có điểm thông tin, tuyên truyền cổ động	Xã				
	- Số lượng điểm thông tin, tuyên truyền cổ động ngoài trời có ở xã	Điểm				
	- Số Cụm thông tin cơ sở tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương được đầu tư	Cụm				
E	**Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực giảm nghèo và giám sát, đánh giá chương trình**		**150**	**100**	**0**	**200**
1	***Tổng ngân sách***	Triệu đồng				
1.1	Ngân sách trung ương	Triệu đồng				
1.2	Ngân sách địa phương	Triệu đồng				
1.3	Huy động nguồn khác	Triệu đồng				
1	***Kết quả thực hiện***					
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cán bộ (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số cán bộ được đào tạo, tập huấn	Cán bộ				

TT	Tên dự án	Đơn vị tính	Kế hoạch đầu kỳ	Kết quả thực hiện Chương trình 2016-2018		Kế hoạch năm 2019 - 2020
				Thực hiện 2016-2018	% so với kế hoạch	
	- Hoạt động đào tạo, tập huấn cộng đồng (theo các loại hoạt động)					
	+ Số lớp đào tạo, tập huấn	Lớp				
	+ Số người dân được đào tạo, tập huấn (cộng đồng)	Lượt người				
	- Hoạt động kiểm tra và giám sát, đánh giá	Triệu đồng	150	100		200
	+ Số đoàn kiểm tra (theo các cấp kiểm tra)	Đoàn	3	2		2